TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **32**/2017/DS-ST
Ngày: 07/9/2017
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Lệ.

Ông Phan Minh Đức.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Thạch Thị Diễm Trinh – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm tham gia phiên tòa***: Ông Trương Minh Diền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 69/2017/TLST-DS, ngày 23 tháng 6 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2017/QĐXXST-DS ngày 01/8/2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị B, sinh năm 1962; cư trú tại số 111, khóm 1, phường 1, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

- *Bị đơn*:

1/ Ông Nguyễn Văn T. (Vắng măt).

2/ Bà Ngô Thị G. (Vắng mặt).

- *Người làm chứng:* Bà Lê Thị A.(Vắng mặt)

Cùng cư trú tại: khóm 6, phường 1, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Trần Thị B trình bày: Vào năm 2013 (bà không nhớ ngày, tháng) thì vợ chồng ông T, bà G có vay của bà số tiền 45.000.000đ, lãi suất

05%/tháng, bà không biết vay làm gì. Từ lúc vay thì vợ chồng ông T không có đóng lãi và cũng không có trả vốn cho bà. Do vậy, ngày 08/3/2015 âm lịch thì vợ chồng ông T, bà G có làm lại giấy nợ (giấy nhận nợ trước đã hủy) với tổng tiền vốn và lãi là 80.000.000đ, có sự chứng kiến của bà Lê Thị A và ông Nguyễn Văn K là cha, mẹ ruột của ông T. Vợ chồng ông T hẹn trả từ tháng 03 đến tháng 12/2015 âm lịch là 40.000.000đ. Đến tháng 12/2016 âm lịch trả thêm 40.000.000đ nếu không trả thì giao đất cho bà. Năm 2016 thì vợ chồng ông T có trả cho bà được 6.000.000đ (trả nhiều lần nên bà không nhớ ngày tháng) thì ngưng không trả cho bà nữa.

Nay bà Trần Thị B yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm giải quyết: Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Ngô Thị G trả cho bà số tiền vốn là 39.000.000đ và không yêu cầu tính lãi.

- **Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa**: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền còn thiếu 39.000.000đ (Ba mươi chín triệu đồng) vì theo giấy nhận nợ ngày 08/03/2015 âm lịch thì bị đơn thừa nhận còn thiếu nguyên đơn 80.000.000đ tiền vốn và lãi nhưng nay nguyên đơn chỉ yêu cầu trả vốn 39.000.000đ là có lợi cho bị đơn, đồng thời trong giấy nhận nợ bà Lê Thị A là mẹ ông T ký tên là người làm chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vu án. Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Ngô Thị G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy HĐXX căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Ngô Thị G. Người làm chứng bà Lê Thị A vắng mặt nhưng bà A có yêu cầu xét xử vắng mặt và đã có lời khai trực tiếp cho Tòa án nên HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng bà Lê Thị A.

[2] Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi thụ lý, Tòa án có tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý vụ án số 162/TB-TLVA, ngày 26/6/2017 cùng các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp cho bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Ngô Thị G, do bà Lê Thị A là mẹ ông T nhận thay. Tại biên bản lấy khai bà Lê Thị A ngày 31/7/2017 thì bà A cũng thừa nhận có thông báo cho

ông T, bà G biết việc bà B khởi kiện nhưng ông T, bà G không cung cấp các tài liệu chứng cứ cũng như văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét, giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tại phiên tòa, bà B cho rằng số tiền 80.000.000đ theo tờ nhận nợ ngày 08/3/2015 âm lịch là tiền lãi nhập vốn, thực tế bà chỉ cho ông T, bà G vay số tiền vốn 45.000.000đ, lãi suất 5%/tháng nhưng do ông T, bà G không đóng lãi cho bà nên mới làm biên nhận lãi nhập vốn. Sau khi làm biên nhận thì ông T, bà G trả cho bà được số tiền 6.000.000đ, trả nhiều lần, bà không nhớ ngày tháng năm trả tiền. Nay bà chỉ yêu cầu ông T, bà G trả lại cho bà số tiền vốn còn thiếu là 39.000.000đ (Ba mươi chín triệu đồng). Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/7/2017 của bà Lê Thị A là mẹ ruột của ông Nguyễn Văn T trình bày: Tờ nhận nợ ngày 08/3/2015 âm lịch thì đúng là bà có ký tên và lăn tay và ông Nguyễn Văn K chồng bà cũng có ký xác nhận vào đó với mục đích là có chứng kiến việc con trai và con dâu của bà có vay tiền của bà B còn việc giao nhận tiền thì bà không biết, việc bà B khởi kiện ông T, bà G thì bà cũng có báo cho con bà biết nhưng hiện nay, do hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp khó khăn nên con bà đã đi Sài Gòn làm thuê để kiếm tiền về trả cho bà B.

[4] Xét thấy, Căn cứ vào "Tờ nhận nợ ngày 08/3/2015 âm lịch" cũng như sự xác nhận của bà Lê Thị A là mẹ ông T thì vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Ngô Thị G có nợ bà Trần Thị B số tiền 80.000.000đ và hứa sẽ trả trong 02 đợt. Đợt 1 từ tháng 03/2015 đến tháng 12/2015 âm lịch sẽ trả 40.000.000đ. Đợt 2 đến tháng 12/2016 âm lịch sẽ trả thêm 40.000.000đ nhưng không thực hiện. Nay bà B chỉ yêu cầu vợ chồng ông T, bà G trả cho bà số tiền vốn còn nợ 39.000.000đ là có lợi cho ông T, bà G. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị B là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 471 và Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

[5] Ý kiến của đại viện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông T, bà G phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 229; Điều 266; điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Ngô Thị G cùng có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị B số tiền 39.000.000đ (*Ba mươi chín triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T và bà Ngô Thị G cùng chịu số tiền 1.950.000đ (*Một triệu, chín trăm năm chục ngàn đồng*).

Bà Trần Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà B số tiền tạm ứng án phí đã nộp 975.000đ (*Chín trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số 0004686, ngày 19/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

3/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- *Nơi nhận*:
-VKSND thị xã Ngã Năm;
-T.H.A dân sự TX Ngã Năm;
-TAND tỉnh ST;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Anh Tuấn